

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTG ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố về triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020; Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/12/2010.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 2;
- Cục TK&S;
- CPVP, các CV;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Dương Anh Điền

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển
nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1640/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011-2020;

Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011-2020 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Mục đích yêu cầu:

Phát triển nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phân bố hợp lý, trong đó chú trọng điều chỉnh, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa đào tạo nhân lực từ cao đẳng trở lên so với trung học chuyên nghiệp và đào tạo nghề, từng bước tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế; sử dụng nhân lực có hiệu quả, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thành phố Hải Phòng và cả nước, một trong những trung tâm đào tạo và cung cấp nhân lực chất lượng cao cho Vùng Duyên hải Bắc Bộ và cả nước.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở giáo dục - đào tạo phục vụ nhu cầu phát triển nhân lực trên địa bàn thành phố và đáp ứng một phần cho nhu cầu của Vùng Duyên hải Bắc bộ cũng như cả nước, trong đó: Ưu tiên tập trung cho việc xây dựng Trường Đại học Hàng hải trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia phục vụ Chiến lược Phát triển kinh tế biển của cả nước; phát triển Trường Đại học Hải Phòng thành trường đại học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực; phát triển các Trường Cao đẳng nghề: Công nghiệp, Bách nghệ, Duyên Hải, Vinashin có các nghề đào tạo đạt trình độ quốc tế và phấn đấu nâng cấp ít nhất một trường thành Trường Đại học chuyên ngành kỹ thuật.

- Ưu tiên các nguồn lực để phát triển các ngành đào tạo ở tất cả các bậc học đáp ứng nhu cầu nhân lực của các ngành: phục vụ du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, hàng hải, vận tải - kho bãi, dịch vụ cảng biển, công nghiệp

tàu thủy, cơ khí chính xác, điện - điện tử; các ngành công nghệ cao như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, tự động hóa, vật liệu mới ...

- Phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên trong các cơ sở giáo dục - đào tạo cả về số lượng và chất lượng; đổi mới, hoàn thiện chương trình, giáo trình giảng dạy, đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại, gắn lý thuyết với thực nghiệm, gắn nhà trường với nghiên cứu, ứng dụng.

- Đảm bảo đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó, năm 2015 có 75% lao động qua đào tạo, năm 2020 có 85% lao động qua đào tạo.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và triển khai các cơ chế, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân lực chất lượng cao cho thành phố, ưu tiên cho các nhóm đối tượng: cán bộ lãnh đạo quản lý, nhân lực khoa học công nghệ và lao động kỹ thuật có tay nghề, trình độ cao.

II. Các nội dung nhiệm vụ cụ thể:

1. Chỉ đạo lồng ghép các mục tiêu, định hướng, giải pháp phát triển nhân lực vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm của các sở, ngành, địa phương.

2. Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án tổng thể phát triển nhân lực của thành phố được nêu trong Quy hoạch phát triển nhân lực. Bố trí quỹ đất để xây dựng, mở rộng các cơ sở đào tạo, đáp ứng yêu cầu về quy mô, chất lượng và phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo.

3. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của địa phương, kết nối với hệ thống dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia.

4. Đánh giá, tổng kết tình hình thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Trong quá trình triển khai thực hiện, các sở, ngành cần thường xuyên rà soát để bổ sung Quy hoạch cho phù hợp tình hình thực tế.

5. Thành lập Hội đồng đào tạo nhân lực thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đứng đầu, có sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, các sở, ban, ngành liên quan để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu của thành phố. Thành lập các Hội đồng chuyên gia theo ngành đào tạo của địa phương; phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo về công tác đào tạo, mở ngành, nghề trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề trong các cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố.

6. Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành trong việc phê duyệt các chương trình, dự án trọng điểm phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển nhân lực của địa phương; triển khai có hiệu quả Đề án Đào tạo nghề cho

lao động nông thôn (Đề án 1956) trên địa bàn thành phố. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới chung các cơ sở đào tạo, dạy nghề trong cả nước.

7. Xây dựng cơ chế, chính sách sử dụng, đãi ngộ nhân lực, bảo đảm điều kiện về nhà ở, trường học, bệnh viện và các điều kiện khác đáp ứng nhu cầu của người lao động; có chính sách thu hút nhân lực cho các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố.

III. Các giải pháp thực hiện

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển nhân lực.

- Tăng cường thông tin tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới cán bộ, đảng viên, mọi người dân về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, thành phố về vị trí, vai trò đóng góp của nhân lực đối với sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước, nhất là lực lượng lao động trực tiếp tham gia sản xuất có tay nghề, kỹ thuật nhằm nâng cao nhận thức xã hội, thay đổi quan điểm, hành động và tâm lý xã hội trong lựa chọn nghề nghiệp, đảm bảo nhân lực thành phố phát triển hài hòa, cân đối, đáp ứng các nhu cầu của xã hội.

- Đổi mới nội dung, phương pháp tư vấn hướng nghiệp trong các trường phổ thông, định hướng cho học sinh nhận thức đúng đắn, đầy đủ khi quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho mình, góp phần trong việc phân luồng học sinh ngay khi còn học ở các bậc phổ thông. Quan tâm công tác hướng nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề để người học sớm có việc làm.

- Thường xuyên và định kỳ tổ chức các hoạt động biểu dương, khen thưởng, bình xét danh hiệu, phong và trao các danh hiệu, giải thưởng tôn vinh các tập thể, đơn vị, cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thành phố, huy động sự quan tâm của toàn xã hội, sự phấn đấu vươn lên của gia đình và bản thân người lao động.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành đến phát triển nhân lực.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền cần nhận thức rõ và xác định đào tạo, phát triển nhân lực vừa là chiến lược lâu dài, vừa là biện pháp trước mắt đảm bảo đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thành phố và góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển của cả nước.

- Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 11/4/2008 của Ban Thường vụ Thành ủy, Nghị quyết số 04/2008/NQ-HĐND ngày

22/4/2008 của Hội đồng nhân dân thành phố về một số chủ trương, giải pháp chủ yếu phát triển nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành phố đến năm 2010, định hướng 2020 và Đề án đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ ở nước ngoài giai đoạn 2008 - 2015 do Ban Tổ chức Thành uỷ chủ trì.

3. Hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực.

- Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan phát triển nguồn nhân lực; rà soát, đánh giá, quy hoạch và quy hoạch lại đội ngũ cán bộ công chức làm công tác phát triển nhân lực, đảm bảo chất lượng chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước của 2 cơ quan đầu mối: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với lĩnh vực lao động, việc làm và đào tạo nghề, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với lĩnh vực đào tạo trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học.

- Mỗi cơ quan, đơn vị phải xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực trong từng giai đoạn, phù hợp với sự phát triển, yêu cầu phải đạt của cơ quan, đơn vị mình, phù hợp quy hoạch chung. Trong từng cơ quan, đơn vị phải xác định hệ thống vị trí việc làm và tiêu chuẩn nhân sự phù hợp; thực hiện tuyển dụng công khai, minh bạch; đồng thời đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đã có, đổi mới phương pháp đánh giá năng lực công tác và chế độ đãi ngộ nhân lực theo hướng hiện đại gắn với hiệu quả công việc thực tế.

4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, công cụ khuyến khích và thúc đẩy phát triển nhân lực.

- Tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải cách và đơn giản hóa thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo trong các cơ quan nhà nước, xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư (đặc biệt là đầu tư nước ngoài vào giáo dục và đào tạo) tạo môi trường thu hút nhân lực và áp lực thúc đẩy phát triển nhân lực ở thành phố.

- Rà soát, sắp xếp lại quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo trên địa bàn thành phố từ bậc đại học, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục mầm non, đảm bảo hài hoà cả về cơ cấu, trình độ đào tạo, làm cơ sở cho việc ban hành cơ chế chính sách phát triển giáo dục và đào tạo, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất.

- Ưu tiên đầu tư ngân sách cho phát triển nhân lực thông qua các chương trình, dự án của Quy hoạch này và thông qua các kế hoạch, đề án phát triển nhân lực khác. Đề xuất Chính phủ tiếp tục hỗ trợ đầu tư nâng cấp, hoàn thiện Trường Đại học Hải Phòng, Trường Đại học Hàng Hải, Trường Đại học Y Hải Phòng và các cơ sở đào tạo công lập khác. Tiếp tục khuyến khích và hỗ trợ các cơ sở này, các giáo viên, giảng viên không ngừng đổi mới nội dung, chương trình, phương

pháp giảng dạy, thường xuyên cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn để cải thiện chất lượng đào tạo.

- Xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể để thu hút nhân tài, nhân lực chất lượng cao về làm việc. Nghiên cứu thực hiện cơ chế thuê, hợp tác, tư vấn đối với chuyên gia đầu ngành (trong và ngoài nước) trong các lĩnh vực công nghệ cao phục vụ cho phát triển thành phố.

- Nghiên cứu vận dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, thủ tục hành chính, thông tin thị trường cho nhà đầu tư để thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo, đặc biệt là giáo dục và đào tạo chất lượng cao. Phấn đấu đến năm 2020, thành lập ít nhất một trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế, nâng cấp ít nhất một trường cao đẳng nghề thành trường đại học kỹ thuật.

- Thành lập Quỹ cho vay hỗ trợ giải quyết việc làm: đối tượng cho vay là người học nghề có hoàn cảnh khó khăn, người lao động thất nghiệp trên 1 năm, người khuyết tật, người dân có đất bị thu hồi, lao động nữ, doanh nghiệp đào tạo nghề với quy mô lớn.

- Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách khuyến khích đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Tiếp tục hướng dẫn, nghiên cứu bổ sung chính sách xã hội hoá trên cơ sở Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Duy trì và phát triển các đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao của thành phố; đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng và quy hoạch cán bộ. Tiếp tục triển khai Đề án đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ ở nước ngoài đến năm 2020.

- Khuyến khích các doanh nghiệp có đủ năng lực tham gia hoạt động xuất khẩu lao động, hỗ trợ người lao động vay vốn để thực hiện các thủ tục xuất khẩu lao động.

- Có cơ chế đột phá trong bố trí và sử dụng nguồn nhân lực trẻ, được đào tạo cơ bản, tạo điều kiện cho công chức, viên chức trẻ được thăng tiến, đề bạt, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Thực hiện bổ nhiệm cán bộ thông qua cơ chế thi tuyển cạnh tranh, công khai; trong giai đoạn 2011 - 2015 áp dụng đối với các chức danh lãnh đạo cấp phòng của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền cấp huyện.

- Thành lập Trung tâm Thông tin lao động trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (có thể thành lập mới hoặc trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Giới thiệu việc làm thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để thực hiện các nhiệm vụ: phân tích, dự báo đánh giá nhu cầu đào tạo, nhu cầu tuyển dụng lao động; hỗ trợ đào tạo và cung ứng nhân lực; củng cố sản giao dịch việc làm, mạng lưới cung cấp thông tin thị trường lao động, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về

nhân lực cho thành phố và các tỉnh, thành phố khác trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và Vùng Duyên hải Bắc Bộ.

5. Mở rộng, tăng cường phối hợp và hợp tác để phát triển nhân lực

- Tăng cường hợp tác đào tạo bằng các hình thức hợp tác, liên kết, liên thông, phối hợp khai thác cơ sở vật chất hiện có của các địa phương lân cận với nguồn lực giáo viên, giảng viên có trình độ, kinh nghiệm của các cơ sở đào tạo và dạy nghề, các viện nghiên cứu chuyên ngành trên địa bàn thành phố để phát triển nhân lực cho cả khu vực một cách hiệu quả

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển nhân lực, đặc biệt là đào tạo đại học và sau đại học để triển khai các dự án hợp tác đào tạo, trao đổi cán bộ/sinh viên, tổ chức và tham gia các hội thảo quốc tế, mời giáo sư nước ngoài tham gia giảng dạy một số môn hoặc thực hiện các hội thảo khoa học; mở rộng các chương trình đào tạo tiên tiến. Tiếp tục phát huy các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học có uy tín chất lượng trên thế giới.

IV. Tổ chức thực hiện

Các cấp, các ngành, các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ tiến hành sơ kết hàng năm và tổng kết mỗi thời kỳ 5 năm, đồng thời sẽ điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Ngoài nhiệm vụ nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ sau:

- Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020 (trên cơ sở kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Đề án nhân lực chất lượng cao của thành phố) để chỉ đạo chung các hoạt động phát triển nhân lực của thành phố.

- Lồng ghép các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cũng như chương trình, kế hoạch phát triển hàng năm của thành phố.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch đầu tư từ ngân sách thành phố cho các dự án phát triển nhân lực trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch được duyệt (Phụ lục 2).

- Tổng hợp, báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Quy hoạch hàng năm, đánh giá tổng quát vào các năm 2015, 2020, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì quan nghiên cứu xây dựng Quy chế ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa trên địa bàn thành phố (trong đó có các cơ sở giáo dục - đào tạo) theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính

sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; nghiên cứu thí điểm cơ chế hỗ trợ kinh phí từ ngân sách thành phố cho hoạt động đào tạo của các cơ sở xã hội hóa.

- Chủ trì tổng hợp, đề xuất bố trí kế hoạch vốn sự nghiệp từ ngân sách thành phố cho các hoạt động triển khai thực hiện Quy hoạch.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ công chức, viên chức nhà nước theo ngành nghề, trình độ đào tạo; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức nhà nước.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, khẩn trương lập Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục - đào tạo (bao gồm cả các cơ sở dạy nghề) trên địa bàn thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện kiểm định hàng năm và công bố công khai chất lượng đào tạo của các trường trên địa bàn thành phố.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì rà soát mạng lưới các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn thành phố, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp chung vào Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục - đào tạo.

- Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, tổng hợp, đánh giá và dự báo các vấn đề về lao động - việc làm trên địa bàn thành phố; tính toán, dự báo, xác định chính xác nhu cầu lao động kỹ thuật hàng năm cho từng lĩnh vực, ngành, nghề và toàn thành phố.

- Định kỳ hàng năm tổ chức điều tra, khảo sát về lao động - việc làm trên địa bàn thành phố, công bố công khai kết quả điều tra trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và các đối tượng có nhu cầu tìm hiểu, nắm bắt cơ hội học tập, tìm việc hoặc tuyển dụng lao động

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thực đẩy các cơ sở khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố phát triển.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định nhu cầu, đề xuất cơ chế, chính sách, hình thức, phương pháp, cấp độ đào tạo, tham mưu cho thành phố chỉ đạo các ngành, viện, trường, cơ quan, đơn vị trên cơ sở rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ, định hướng nghiên cứu, phát triển, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo phát triển nhân lực khoa học công nghệ ở ngành, đơn vị và chung cho toàn thành phố

7. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, xác định nhu cầu, đề xuất quy hoạch sử dụng quỹ đất ưu tiên cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn thành phố.

8. Sở Thông tin và truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của thành phố, kết nối với hệ thống dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia.

Tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của thành phố đảm bảo tính kết nối, thông suốt về thông tin giữa các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân.

9. Các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện

Căn cứ vào Quy hoạch phát triển nhân lực của Bộ, ngành mình và Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020 đã phê duyệt, khẩn trương xây dựng Đề án phát triển nhân lực của sở, ngành, địa phương mình giai đoạn 2011 - 2020, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt trong Quý IV/2012

10. Các cơ sở đào tạo

Chủ động xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của thành phố

11. Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động

Xây dựng kế hoạch quản lý và phát triển nhân lực của đơn vị mình; chủ động bố trí nguồn lực của doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực giai đoạn 2011 - 2020; tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở thực tập, thực tế cho học sinh, sinh viên của các cơ sở đào tạo.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Sở, ngành kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



Dương Anh Điền

PHỤ LỤC 1

Phân công nhiệm vụ triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng giai đoạn 2011 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1640 /QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2012)

TT	Tên nhiệm vụ, chương trình, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian phê duyệt	
				Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên quan	Quý IV/2012	Năm 2012
2	Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ vào kế hoạch 5 năm và hàng năm cho các Sở, ngành và đề xuất kế hoạch đầu tư từ ngân sách thành phố cho các dự án phát triển nhân lực trên cơ sở Quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các Sở, ngành liên quan	Hàng năm	Năm 2020
3	Tổng hợp, báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Quy hoạch hàng năm, đánh giá tổng quát vào các năm 2015, 2020, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các Sở, ngành liên quan	Hàng năm	Năm 2020
4	Xây dựng Quy chế ưu đãi đối với cơ sở xã hội hóa trên địa bàn thành phố (trong đó có các cơ sở giáo dục - đào tạo) theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ	Sở Tài chính	các Sở, ngành liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013

5	Tổng hợp đề xuất bố trí kế hoạch vốn sự nghiệp từ ngân sách thành phố cho các hoạt động triển khai thực hiện Quy hoạch	Sở Tài chính	Các Sở, ngành liên quan	Hàng năm	
6	Rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ công chức, viên chức nhà nước theo ngành nghề, trình độ đào tạo; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức nhà nước.	Sở Nội vụ	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
7	Lập Quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục - đào tạo (bao gồm cả các cơ sở dạy nghề) trên địa bàn thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
8	Thực hiện kiểm định hàng năm và công bố công khai chất lượng đào tạo của các trường trên địa bàn thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các trường trên địa bàn thành phố	Hàng năm	
9	Tổng hợp, đánh giá và dự báo các vấn đề về lao động - việc làm trên địa bàn thành phố; tính toán, dự báo, xác định nhu cầu lao động kỹ thuật hàng năm cho từng lĩnh vực, ngành, nghề và toàn thành phố.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm	
10	Tổ chức điều tra, khảo sát về lao động - việc làm trên địa bàn thành phố, công bố công khai kết quả điều tra trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và các đối tượng có nhu cầu tìm hiểu, nắm bắt cơ hội học tập, tìm việc hoặc tuyển dụng lao động	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Hàng năm	

11	Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy các cơ sở khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố phát triển.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
12	Rà soát, đánh giá, phân loại đội ngũ, định hướng nghiên cứu, phát triển, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo phát triển nhân lực khoa học công nghệ ở ngành, đơn vị và chung cho toàn thành phố. Đề xuất cơ chế, chính sách, hình thức, phương pháp, cấp độ đào tạo cho phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
13	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của thành phố, kết nối với hệ thống dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
14	Tổ chức xây dựng và vận hành hệ thống thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của thành phố đảm bảo tính kết nối, thông suốt về thông tin giữa các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
15	Đề xuất quy hoạch sử dụng quỹ đất ưu tiên cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu về quy mô, chất lượng và phù hợp với đặc thù của từng ngành đào tạo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
16	Triển khai thực hiện Đề án Trường Trung cấp nghề Khu kinh tế Hải Phòng	Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Sở Lao động Thương binh và Xã hội, các Sở, ngành liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013

17	Xây dựng Đề án phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020 của Sở trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.	Các Sở	Các Sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
18	Xây dựng Đề án phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020 của quận trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.	Các quận	Các Sở, ngành liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
19	Xây dựng Đề án phát triển nhân lực giai đoạn 2011 - 2020 của huyện trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt	Các huyện	Các Sở, ngành liên quan	Quý IV/2012	Năm 2013
20	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp Quy hoạch phát triển nhân lực thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của thành phố.	Các cơ sở đào tạo	Các Sở, ngành liên quan	Hàng năm	
21	Xây dựng kế hoạch quản lý và phát triển nhân lực của đơn vị mình; chủ động bố trí nguồn lực của doanh nghiệp trong việc đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực giai đoạn 2011 - 2020; tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở thực tập, thực tế cho học sinh, sinh viên của các cơ sở đào tạo	Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sử dụng lao động	Các sở, ngành, cơ sở đào tạo liên quan	Hàng năm	

PHỤ LỤC 2
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN
PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

TT	Tên Chương trình/Dự án	Địa điểm đầu tư	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)	Đơn vị chủ trì
1	Đề án đào tạo tiến sỹ, thạc sỹ ở nước ngoài		150	Ban Tổ chức Thành uỷ
2	Phát triển Trường Đại học Hải Phòng thành trường đại học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực	Kiến An	1.200	Trường Đại học Hải Phòng
3	Phát triển Trường Đại học Hàng hải thành trường trọng điểm quốc gia, đạt trình độ quốc tế trong việc đào tạo các chuyên ngành hàng hải	Kiến Thụy	2.000	Trường Đại học Hàng hải
4	Phát triển Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y - Dược	Ngô Quyền	1.200	Trường Đại học Y Hải Phòng
5	Đầu tư xây dựng Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú	Hải An	700	Trường THPT chuyên Trần Phú
6	Đầu tư xây dựng Ký túc xá sinh viên tập trung và tại các trường	KTX tập trung tại Lê Chân, Kiến An và KTX tại các trường	2.500	Sở Xây dựng và các trường
7	Thành lập Trường Đại học quốc tế (hoặc đạt tiêu chuẩn quốc tế)		4.000 (khoảng 200 triệu USD)	Xã hội hoá đầu tư (Ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài)

8	Phát triển Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Nghiên cứu hải sản đạt trình độ khu vực và quốc tế		500	Các Viện
9	Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Tại các huyện	300	Sở LĐTBXH
10	Đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ công chức - viên chức nhà nước		150	Sở Nội vụ
11	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế cho 1.000 giám đốc doanh nghiệp		20	Chi nhánh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và xã hội hoá
12	Phát triển các Trường Cao đẳng nghề: Công nghiệp, Bách nghệ, Duyên Hải, Vinashin đạt trình độ đào tạo nghề của quốc tế, phấn đấu nâng cấp ít nhất 01 trường thành Trường Đại học kỹ thuật	An Dương, Dương Kinh, Kiến An, Hồng Bàng	1.000	Các trường
13	Ưu tiên phát triển dạy nghề với 3 cấp độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng nghề (đầu tư đồng bộ cho cả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên và chương trình giảng dạy)		2.000	Sở LĐTBXH và các cơ sở đào tạo nghề